

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

P, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số: 44/2017/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2017/TLST-DS ngày 10/4/2017;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Trần Văn G; địa chỉ cư trú: Số nhà 327 đường, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-*Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số nhà 756/39/42 đường T, tổ 02, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền nợ*: Các đương đều công nhận hiện nay ông Nguyễn Hữu T và bà Hồ Thị P còn nợ ông Trần Văn G số tiền 190.891.000 (Bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng.

- *Về thời gian trả nợ*:

Từ ngày 04/8/2017 đến ngày 30/4/2018, ông Nguyễn Hữu T và bà Hồ Thị P tự nguyện liên đới trả cho ông Trần Văn G số tiền 90.891.000 (Bằng chữ: Chín mươi triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng.

Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 30/4/2019, ông Nguyễn Hữu T và bà Hồ Thị P tự nguyện liên đới trả cho ông Trần Văn G số tiền 100.000.000 (Bằng chữ: Một trăm triệu) đồng.

Nếu ông Nguyễn Hữu T và bà Hồ Thị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ thời gian trả nợ nào theo thỏa thuận thì ông Trần Văn G được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ.

-Về lãi chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn G tự nguyện chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 2.386.137 (Bằng chữ: Hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.023.000 đồng theo biên lai số 0003071 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Trả lại cho ông Trần Văn G số tiền chênh lệch án phí là 2.636.863 (Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Hồ Thị P tự nguyện liên đới chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 2.386.137 (Bằng chữ: Hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Thường

